

Ngày 06/06/2019

NHÂN DANH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà:
Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06/06/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐST- HNGĐ ngày 19/04/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thân Văn Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là anh Thân Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị D vào ngày 13/09/2012; trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn A, xã T, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng tháng 10 năm 2016 thì vợ nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống với nhau nhiều năm mà chưa có con, từ đó phát sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống trong sinh hoạt, làm ăn và phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Từ tháng 8/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản, số nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn ngày 02/8/2012, trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới chị về gia đình anh Đ sinh sống và làm ăn ngay. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, có nhiều bất đồng quan điểm sống, và đã sống ly thân. Chị xác định mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài nên anh Đ xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, số nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị D vắng mặt.

+ Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Thân Văn Đ và chị Nguyễn Thị D. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị D vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị D là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống với nhau nhiều năm mà chưa có con, từ đó phát sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống trong sinh hoạt, làm ăn và phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Từ tháng 8/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chính quyền địa phương đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đạt kết quả; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị

được ly hôn, chị D đồng ý ly hôn; điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh Đ và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy, cần xử cho anh Đ được ly hôn với chị D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ, chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Thân Văn Đ và chị Nguyễn Thị D.

2. Về án phí: Anh Thân Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002959 ngày 20/12/2018 ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã T, huyện Y;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

